UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 174 /TB-SXD

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Tháng 4 năm 2026)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/ 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây

dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng và chỉ số giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Báo cáo số 703/2026/CV-ĐTMN ngày 28/4/2026 của Liên danh MCUS-ETA về việc phát hành báo cáo kết quả khảo sát, tổng hợp thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 4 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng gửi về Sở Xây dựng và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu tháng 4 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với nội dung như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng được công bố là mức giá bán *(chưa có thuế VAT)* được xác định trên cơ sở văn bản đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng của các đơn vị và kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng thực tế của đơn vị tư vấn tại các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; **mức giá bán** đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện bên mua tại nơi sản xuất hoặc nơi giao hàng **nhưng chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình** và chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Khi áp dụng các phương pháp xác định giá xây dựng công trình và giá vật liệu xây dựng trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải tuân thủ đúng nguyên tắc, phương pháp theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 và các quy định khác có liên quan.

Việc thanh, quyết toán chi phí đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Đối với các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, thì việc lựa chọn giá để xác định chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng).

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công

trình thì giá vật liệu để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá, lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2023/TT-BXD.

3. Tổ chức, cá nhân liên quan khi tham khảo, sử dụng thông tin về giá vật liệu xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lựa chọn loại vật liệu xây dựng đảm bảo yêu cầu về an toàn, hiệu quả, tiết kiệm, thân thiện với môi trường; vật liệu, cấu kiện sử dụng vào công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải căn cứ vào khối lượng, số lượng, quy cách, chủng loại, nhãn mác, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ vật liệu xây dựng và các thông tin khác như: địa điểm xây dựng, địa điểm cung cấp, giao nhận, khả năng cung ứng của đơn vị sản xuất, kinh doanh, điều kiện vận chuyển, điều kiện thanh toán, thuế, phí,… để xác định giá vật liệu xây dựng phù hợp với giá thị trường; các sản phẩm vật liệu xây dựng có cùng quy cách, chủng loại và tiêu chuẩn, chất lượng tương đương thì phải chọn mức giá thấp nhất, đảm bảo việc lựa chọn khách quan, minh bạch, đáp ứng mục tiêu, hiệu quả đầu tư của dự án và tiết kiệm chi phí.

Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, các nhà thầu khi tổ chức xác định giá xây dựng công trình phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công và kế hoạch thực hiện cụ thể của công trình; có trách nhiệm lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo quy định, đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với những sản phẩm hoặc công việc do mình thực hiện.

4. Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng có trong bảng công bố giá vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng vật liệu xây dựng và thông tin cung cấp.

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng tham khảo áp dụng./.

Nơi nhận
- Bộ Xây dựng (*Báo cáo*);
- UBND tỉnh (*Báo cáo*);
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Ban quản lý chuyên ngành, khu vực;
- UBND các xã, phường;
- Website Sở Xây dựng;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTXD.(Hiển)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TUYÊN QUANG

Triệu Xuân Tiến

PHỤ LỤC

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU THÁNG 04 NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SXD ngày / /2026 của Sở Xây dựng Tuyên Quang)

Đơn vị tính: đồng

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]		[26]	[27]	[28]	[29]	[31]	[32]
I	**NHÓM THÉP XÂY DỰNG**																														
1	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn trơn (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.770							16.070														
2	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø8)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	15.770							16.070														
3	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø9-Ø10)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.220							16.520														
4	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.020							16.320														
5	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø25)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.020							16.320														
6	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.520							16.820														
7	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.320							16.620														
8	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB400-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.320							16.620														
9	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn Ø10mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.620							16.920														
10	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.420							16.720														
11	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø32)mm CB500-V	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty TNHH NatSteelVina, Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại trung tâm P. Minh Xuân, P. Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang	16.420							16.720														
12	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn trơn (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.150																				
13	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø8)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.150																				
15	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn vằn (Ø10)mm CB300, Gr40	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.800																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
17	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.600																				
18	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14)mm CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.550																				
19	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø16)mm Gr40	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.550																				
20	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø18-Ø40)mm Gr40, CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.550																				
21	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10)mm CB400-V, CB500-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	16.100																				
22	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø12)mm CB400-V, CB500-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.900																				
23	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø14-Ø40)mm CB400-V, CB500-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại kho trung chuyển Tuyên Quang, P. An Tường, tỉnh Tuyên Quang	15.850																				
24	Nhóm thép Xây dựng	Thép cuộn tròn trơn (Ø6-Ø8)mm CB240-T	kg		Thép cuộn	Thép Hòa Phát	Việt Nam		Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại cửa hàng VLXD Thắng Loan, thôn Nà Pom, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										17.500											
25	Nhóm thép Xây dựng	Thép thanh vằn (Ø10 - Ø18) mm CB300-V	kg		Thép thanh vằn 11.7m/cây	Thép Hòa Phát	Việt Nam		Giao trên phương tiện bên mua	Giá bán tại cửa hàng VLXD Thắng Loan, thôn Nà Pom, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										17.500											
II	**NHÓM GẠCH ỐP LÁT, GẠCH XÂY DỰNG**																														
1	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh đặc	viên	Loại A1	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.620																				
2	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh đặc	viên	Loại A2	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.509																				
3	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh rỗng	viên	Loại A1	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.435																				
4	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh rỗng	viên	Loại A2	Kích thước: (20,5x9,3x5,3) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.250																				
5	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh đặc	viên	Loại A1	Kích thước: (19,7x8,6x5,0) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.454																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
6	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh đặc	viên	Loại A2	Kích thước: (19,7x8,6x5,0) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.361																				
7	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh rỗng	viên	Loại A1	Kích thước: (19,7x8,6x5,0) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.093																				
8	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đinh rỗng	viên	Loại A2	Kích thước: (19,7x8,6x5,0) cm	Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Viên Châu	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho công ty, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	907																				
9	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đặc	viên	Loại A1 (Đ10A1)	Kích thước: (210x97x56) cm	Công ty Cổ phần Gạch Bát tràng Hà Giang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho ở thôn Đức Thành, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang															1.481						
10	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch đặc	viên	Loại A1 (8A1)	Kích thước: (200x90x56) cm	Công ty Cổ phần Gạch Bát tràng Hà Giang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho ở thôn Đức Thành, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang															1.343						
11	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch rỗng	viên	Loại A1 (L10A1)	Kích thước: (210x97x56) cm	Công ty Cổ phần Gạch Bát tràng Hà Giang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho ở thôn Đức Thành, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang															1.343						
12	Nhóm Gạch xây dựng	Gạch rỗng	viên	Loại A1 (8A1)	Kích thước: (200x90x56) cm	Công ty Cổ phần Gạch Bát tràng Hà Giang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại kho ở thôn Đức Thành, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang															1.111						
III	**NHÓM CÁT, SỎI XÂY DỰNG**																														
1	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát bê tông	m3			Công ty TNHH MTV DVTM Tiến Thuận	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, TDP Tân Hà 1, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	392.000																				
2	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát xây	m3			Công ty TNHH MTV DVTM Tiến Thuận	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, TDP Tân Hà 1, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	328.000																				
3	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát trát	m3			Công ty TNHH MTV DVTM Tiến Thuận	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, TDP Tân Hà 1, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	328.000																				
4	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Sỏi	m3			Công ty TNHH MTV DVTM Tiến Thuận	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, TDP Tân Hà 1, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	283.000																				
5	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát các loại	m3			Công ty cổ phần Lâm sản và khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, thôn Bình Ca, xã Thái Bình, tỉnh Tuyên Quang		400.000																			
6	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát xây dựng qua sàng tuyển	m3			Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Lục Phát	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, Đầm Hồng, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					409.091															
7	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Sỏi xây dựng qua sàng tuyển	m3			Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Lục Phát	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, Đầm Hồng, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					318.182															

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
8	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát vàng	m3			Công ty TNHH 282	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, Tổ 19, Phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang								340.000												
9	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát xây	m3			Công ty CP Bảo Ngọc HG	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi thôn Km 16+17 xã Thanh Thủy, Tuyên Quang																360.000				
10	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát xây	m3			Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương Mại 68 Minh Phú	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi thôn Km 8+9 xã Thanh Thủy, Tuyên Quang																360.000				
11	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát bê tông, cát xây	m3			Công ty TNHH Trường Thịnh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang																400.000				
12	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát trát	m3			Công ty TNHH Trường Thịnh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang																400.000				
13	Nhóm cát, sỏi xây dựng	Cát vàng	m3			Hợp tác xã Sơn Hải	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại bãi, thôn Làng Trần, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang															360.000						
IV	**NHÓM ĐÁ XÂY DỰNG**																														
1	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	240.000																				
2	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(0,5)cm	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	260.000																				
3	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(1x2)cm	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	350.000																				
4	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(2x4)cm	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	310.000																				
5	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(4x6)cm	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	260.000																				
6	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3	SX bằng máy	Loại 1	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	260.000																				
7	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3	SX bằng máy	Loại 2	Hợp Tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đồi Cẩn	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Đồi Cẩn, Tổ 11, P. Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang	240.000																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
8	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			290.000																			
9	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			300.000																			
10	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			385.000																			
11	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			310.000																			
12	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			230.000																			
13	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại A	m3		Loại A	Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			290.000																			
14	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại B	m3		Loại B	Công ty TNHH VLXD Huy Linh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Vĩnh Sơn, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			200.000																			
15	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			272.727																			
16	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			236.364																			
17	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			363.636																			
18	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			227.273																			
19	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			181.818																			
20	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại A	m3		Loại A	Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			209.091																			
21	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại B	m3		Loại B	Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Lục Liêu, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang			200.000																			

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
22	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			300.000																				
23	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			385.000																				
24	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			310.000																				
25	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại A	m3		Loại A	Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			290.000																				
26	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại B	m3		Loại B	Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			245.000																				
27	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty Lâm Sản và Khoáng sản Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Thôn Khuôn Ráng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			230.000																				
28	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					181.818																		
29	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(0,5x1)cm	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					272.727																		
30	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(1x2)cm	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					272.727																		
31	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(2x4)cm	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					254.545																		
32	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3	SX bằng máy	(4x6)cm	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					227.273																		
33	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3	SX bằng máy	Loại 1	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					227.273																		
34	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3	SX bằng máy	Loại 2	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					209.091																		
35	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá lẫn đất	m3			Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					145.455																		

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
36	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					190.909																
37	Nhóm đá xây dựng	Đất, đá thải tận thu làm vật liệu san lấp	m3			Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đồng Tâm	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi Nà Ngày, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang					72.727																
38	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					181.818																
39	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5x1)cm	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					272.727																
40	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá 1x2cm Cỡ hạt ≤ 19mm	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					290.909																
41	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					272.727																
42	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					254.545																
43	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					227.273																
44	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					227.273																
45	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					209.091																
46	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá lẫn đất	m3			Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					145.455																
47	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					190.909																
48	Nhóm đá xây dựng	Đất, đá thải tận thu làm vật liệu san lấp	m3			Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tùng Tuyên Quang	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tre Khà, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang					72.727																
49	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						309.091															

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
50	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5x1)cm	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						381.818															
51	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm (Dmax≤19mm)	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						381.818															
52	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						372.727															
53	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						354.545															
54	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						336.364															
55	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						345.455															
56	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						327.273															
57	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Công ty TNHH MTV Vĩnh Bình	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi số 4, thôn Nà Kham, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang						236.364															
58	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										220.000											
59	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										330.000											
60	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										310.000											
61	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										310.000											
62	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										290.000											
63	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX TTCN Tân Thành	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá vôi thôn Nà Tèn, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang										330.000											

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
64	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												230.000										
65	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												330.000										
66	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												320.000										
67	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1912	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												320.000										
68	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												290.000										
69	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												320.000										
70	Nhóm đá xây dựng	Bột đá làm gạch bê tông	m3			HTX TTCN xây dựng và dịch vụ tổng hợp 1911	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Ha Pua Đa, xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang												310.000										
71	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Hoa Long	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Há Chí Đùa, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang													220.000										
72	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Hoa Long	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Há Chí Đùa, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang													330.000										
73	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Hoa Long	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Há Chí Đùa, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang													310.000										
74	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Hoa Long	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Há Chí Đùa, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang													310.000										
75	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX Hoa Long	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Há Chí Đùa, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang													330.000										
76	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang														390.000									
77	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang														420.000									

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực Xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
78	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang													410.000								
79	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang													400.000								
80	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang													420.000								
81	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			Công ty TNHH MTV Hà Ngân	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Bản Đuốc, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang													370.000								
82	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															272.727						
83	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															290.909						
84	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															327.273						
85	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															309.091						
86	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															272.727						
87	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															290.909						
88	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															272.727						
89	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX Bảo Hà	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Trung Sơn, xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang															254.545						
90	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	Công ty TNHH Trường Thịnh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang																400.000						
91	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																		236.364				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
92	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			272.727			
93	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			281.818			
94	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			263.636			
95	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			254.545			
96	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			245.455			
97	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			236.364			
98	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX Giao thông vận tải SX KD VLXD	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn Thạch Bàn, xã Hùng An tỉnh Tuyên Quang																			227.273			
99	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																			200.000			
100	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		(0,5x1)cm	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																			227.273			
101	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		(1x2)cm	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																			263.636			
102	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		(2x4)cm	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																			254.545			

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
103	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		(4x6)cm	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																		236.364			
104	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3		Loại 1 Base A	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																		227.273			
105	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm	m3		Loại 2 Base B	Công ty TNHH TMDV&XD Long Anh	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá Tân Hùng, xã Hùng An, Tuyên Quang																		200.000			
106	Nhóm đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	327.273				
107	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (0,5)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	354.545				
108	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (1x2)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	354.545				
109	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (2x4)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	354.545				
110	Nhóm đá xây dựng	Đá dăm	m3		Đá (4x6)cm	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	345.455				
111	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3		Loại 1	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	327.273				
112	Nhóm đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3		Loại 2	HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	309.091				
113	Nhóm đá xây dựng	Đá mạt (Bột đá)	m3			HTX Hoàng Luyến	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Giá bán tại mỏ đá thôn 3, xã Quang Bình, tỉnh Tuyên Quang																	263.636				
V	**NHÓM XI MĂNG**																															
1	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 30 vỏ dứa/dán	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.000.000	1.000.000	926.000	981.000	981.000	981.000	981.000	1.009.000	1.009.000	1.009.000		1.009.000				1.009.000	1.009.000	1.009.000	1.009.000	

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																		
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 30 vỏ giấy	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.023.000	1.023.000	949.000	1.005.000	1.005.000	1.005.000	1.005.000	1.023.000	1.023.000	1.023.000		1.023.000					1.023.000	1.023.000	1.023.000	1.023.000	
3	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 40 vỏ dứa/dán	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.111.000	1.111.000	1.051.000	1.093.000	1.093.000	1.093.000	1.093.000	1.116.000	1.116.000	1.116.000		1.116.000					1.116.000	1.116.000	1.116.000	1.116.000	
4	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 40 vỏ giấy	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	1.148.000	1.148.000	1.074.000	1.130.000	1.130.000	1.130.000	1.130.000	1.139.000	1.139.000	1.139.000		1.139.000					1.139.000	1.139.000	1.139.000	1.139.000	
5	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 30	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	866.000	866.000	843.000	866.000	866.000	866.000	866.000	861.000	861.000	861.000		861.000					861.000			861.000	
6	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 40C	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	949.000	949.000	935.000	949.000	949.000	949.000	949.000	954.000	954.000	954.000		954.000					954.000			954.000	
7	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang bột PCB 40D	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại nhà máy chưa bao gồm cước vận chuyển đến địa bàn các xã, phường	Tại kho Nhà máy, tổ dân phố Tràng Đà 5, Phường Nông Tiến, Tuyên Quang	921.000	921.000	917.000	921.000	921.000	921.000	921.000	907.000	907.000	907.000		907.000					907.000			907.000	
8	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 30	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Hộ kinh doanh Ninh Quang Sìn, thôn Yên Phú 4, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang												1.350.000								
9	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Tân Quang PCB 40	Tấn	TCVN 6060:2020 QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Hộ kinh doanh Ninh Quang Sìn, thôn Yên Phú 4, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang												1.450.000								
10	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Yên Bái PCB 30	Tấn		Bao 50kg	Công ty CP xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Hộ kinh doanh Ninh Quang Sìn, thôn Yên Phú 4, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang												1.250.000								

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
11	Nhóm xi măng	Xi măng Vinacomin Yên Bái PCB 40	Tấn		Bao 50kg	Công ty CP xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt Nam		Giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên mua	Hộ kinh doanh Ninh Quang Sin, thôn Yên Phú 4, xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang													1.350.000								
	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM																														
1	Nhóm bê tông	Mác 100, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.080.000		1.080.000	1.140.000	1.270.000	1.425.000														
2	Nhóm bê tông	Mác 150, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.130.000		1.130.000	1.190.000	1.320.000	1.470.000														
3	Nhóm bê tông	Mác 200, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.180.000		1.180.000	1.240.000	1.370.000	1.515.000														
4	Nhóm bê tông	Mác 250, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.220.000		1.220.000	1.280.000	1.420.000	1.560.000														
5	Nhóm bê tông	Mác 300, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.270.000		1.270.000	1.330.000	1.470.000	1.610.000														
6	Nhóm bê tông	Mác 350, đá 1x2, độ sụt 12±2	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	1.330.000		1.330.000	1.390.000	1.530.000	1.670.000														
7	Nhóm bê tông	Bơm bê tông ≤ 30m^3	Ca	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	3.000.000		3.000.000	3.700.000	4.300.000	5.000.000														
8	Nhóm bê tông	Bơm bê tông >30 ÷100 m^3	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	100.000		100.000	125.000	143.000	165.000														
9	Nhóm bê tông	Bơm bê tông >100 m^3	m3	Tiêu chuẩn cơ sở		Công ty TNHH bê tông Hiệp Phú	Việt Nam		Tại Trung tâm xã, phường, bán kính ≤ 5km	Phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang	80.000		80.000	105.000	130.000	140.000														
	NHỰA ĐƯỜNG																														
1	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 Singapore	kg	TCVN 13567-1: 2022	Xe tec chuyên dụng	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua tại phường Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy									22.600								22.650				
2	Nhựa đường	Nhựa đường Polime PMB3	kg	TCVN 11193: 2021	Xe tec chuyên dụng	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua tại phường Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy									27.900								27.950				
3	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70	kg	TCVN 8818:2011	Xe tec chuyên dụng	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua tại phường Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy									30.800								30.850				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
4	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1	kg	TCVN 8817:2011	Xe tec chuyên dụng	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua tại phường Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy									18.700								18.750					
5	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1P	kg	TCVN 8816:2011	Xe tec chuyên dụng	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao trên phương tiện bên mua tại phường Hà Giang 1 và xã Thanh Thủy									24.500								24.550					
VI	**NHÓM SƠN**																														
1	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn mịn nội thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	489.000																				
2	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn mịn nội thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.659.000																				
3	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn siêu trắng trần cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	580.000																				
4	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn siêu trắng trần cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.978.000																				
5	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn bán bóng nội thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.080.000																				
6	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn bán bóng nội thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	3.620.000																				
7	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn bóng nội thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	370.000																				
8	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn bóng nội thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.272.000																				
9	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn bóng nội thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	4.430.000																				
10	Nhóm sơn	Sơn phủ nội thất - Sơn siêu bóng nội thất thượng hạng	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.650.000																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
11	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn mịn ngoại thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	920.000																				
12	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn mịn ngoại thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	2.743.000																				
13	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.190.000																				
14	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	3.999.000																				
15	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	390.000																				
16	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.492.000																				
17	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	5.151.000																				
18	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn siêu bóng ngoại thất thượng hạng	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	433.000																				
19	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất - Sơn siêu bóng ngoại thất thượng hạng	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.889.000																				
20	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	799.000																				
21	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	2.530.000																				
22	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	950.000																				
23	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	2.999.000																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
24	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.250.000																				
25	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	3.840.000																				
26	Nhóm sơn	Sơn chống thấm chuyên dụng PUD	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	7.380.952																				
27	Nhóm sơn	Sơn chống thấm sàn cao cấp 2 thành phần	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	471.655																				
28	Nhóm sơn	Sơn chống thấm sàn cao cấp 2 thành phần	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	2.778.086																				
29	Nhóm sơn	Sơn chống thấm gốc bitum		QCVN 16:2023/BXD	18L/thùng	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	2.265.306																				
30	Nhóm sơn	Sơn phủ bóng trong nhà và ngoài trời	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5L/lon	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	1.224.000																				
31	Nhóm sơn	Sơn lót epoxy	Bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 20kg	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	3.764.706																				
32	Nhóm sơn	Sơn lót epoxy	Bộ	TCVN 9014:2012	Bộ 30kg	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	5.647.059																				
33	Nhóm sơn	Sơn đệm lót giữa epoxy	Bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 24kg	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	3.463.529																				
34	Nhóm sơn	Sơn phủ màu epoxy tự san phẳng	Bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 25kg	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	5.333.333																				
35	Vữa dán gạch	Keo dán gạch nội thất KS34.25	Bao	TCVN 7899-1:2008	25kg/bao	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	223.000																				
36	Vữa dán gạch	Keo dán gạch ngoại thất KS35.25	Bao	TCVN 7899-1:2008	25kg/bao	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	242.000																				

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
37	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng	Bột bả nội thất cao cấp	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	399.000																				
38	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng	Bột bả chống thấm cao cấp	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP tập đoàn sơn Spentes Việt Nam	Việt Nam		Công ty TNHH Toàn Phương Group giao hàng tại địa điểm bên mua	Tại địa bàn P. Minh Xuân	496.000																				
39	Nhóm sơn	OEXPO POWDER PUTTY FOR EXTERIOR&INTERIOR	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40 kg	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	662.727	662.727	662.727	662.727	662.727																
40	Nhóm sơn	CASIO INTERIOR PUTTY	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40 kg	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	496.364	496.364	496.364	496.364	496.364																
41	Nhóm sơn	OEXPO CODY PREMIER ALKALI PRIMER FOR EXT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.969.091	3.969.091	3.969.091	3.969.091	3.969.091																
42	Nhóm sơn	OEXPO CODY PREMIER ALKALI PRIMER FOR EXT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000																
43	Nhóm sơn	OEXPO CODY R ALKALI FOR INTERIOR	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.031.818	3.031.818	3.031.818	3.031.818	3.031.818																
44	Nhóm sơn	OEXPO CODY R ALKALI FOR INTERIOR	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	941.818	941.818	941.818	941.818	941.818																
45	Nhóm sơn	OEXPO CODY SATIN 6+1	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	6.433.636	6.433.636	6.433.636	6.433.636	6.433.636																
46	Nhóm sơn	OEXPO CODY SATIN 6+1	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.829.091	1.829.091	1.829.091	1.829.091	1.829.091																
47	Nhóm sơn	OEXPO CODY SATIN 6+1	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	531.818	531.818	531.818	531.818	531.818																

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
48	Nhóm sơn	OEXPO CODY RAINKOTE	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.954.545	3.954.545	3.954.545	3.954.545	3.954.545																	
49	Nhóm sơn	OEXPO CODY RAINKOTE	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.185.455	1.185.455	1.185.455	1.185.455	1.185.455																	
50	Nhóm sơn	OEXPO CODY RADIANT GLOSS FOR INTERIOR	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	15 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	5.405.455	5.405.455	5.405.455	5.405.455	5.405.455																	
51	Nhóm sơn	OEXPO CODY RADIANT GLOSS FOR INTERIOR	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.709.091	1.709.091	1.709.091	1.709.091	1.709.091																	
52	Nhóm sơn	OEXPO CODY RADIANT GLOSS FOR INTERIOR	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	485.455	485.455	485.455	485.455	485.455																	
53	Nhóm sơn	OEXPO CODY INTER	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.517.273	2.517.273	2.517.273	2.517.273	2.517.273																	
54	Nhóm sơn	OEXPO CODY INTER	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000																	
55	Nhóm sơn	POLY VINYL POLYMER EMULSION PAINT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.470.000	1.470.000	1.470.000	1.470.000	1.470.000																	
56	Nhóm sơn	POLY VINYL POLYMER EMULSION PAINT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	3,35 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	449.091	449.091	449.091	449.091	449.091																	
57	Nhóm sơn	OEXPO CODY CEILING - PERFECT	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	17 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.088.182	3.088.182	3.088.182	3.088.182	3.088.182																	

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
58	Nhóm sơn	OEXPO CODY CEILING - PERFECT	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.000.909	1.000.909	1.000.909	1.000.909	1.000.909																
59	Nhóm sơn	OEXPO CODY UMAX X10	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	17,5 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	5.410.000	5.410.000	5.410.000	5.410.000	5.410.000																
60	Nhóm sơn	OEXPO CODY UMAX X10	Lon	QCVN 16:2019/BXD	3,5 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.221.818	1.221.818	1.221.818	1.221.818	1.221.818																
61	Nhóm sơn	OEXPO CODY WATER PROOF	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	4.408.182	4.408.182	4.408.182	4.408.182	4.408.182																
62	Nhóm sơn	OEXPO CODY WATER PROOF	Lon	QCVN 16:2019/BXD	4,375 lít	Chi nhánh Công ty 4 Oranges	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.431.818	1.431.818	1.431.818	1.431.818	1.431.818																
63	Nhóm sơn	Sơn nội thất mịn trắng, màu NIKKOTEX Extra	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	24 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	831.818	831.818	831.818	831.818	831.818																
64	Nhóm sơn	Sơn nội thất mịn trắng, màu NIKKOTEX Extra	Lon	QCVN 16:2023/BXD	6,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636																
65	Nhóm sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp NIKKOTEX RUBY	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	21 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.236.364	2.236.364	2.236.364	2.236.364	2.236.364																
66	Nhóm sơn	Sơn nội thất bóng cao cấp NIKKOTEX RUBY	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	568.182	568.182	568.182	568.182	568.182																
67	Nhóm sơn	Sơn nội thất bóng Ngọc Trai NIKKOTEX X10	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	21 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.927.273	2.927.273	2.927.273	2.927.273	2.927.273																

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
68	Nhóm sơn	Sơn nội thất bóng Ngọc Trai NIKKOTEX X10	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	845.455	845.455	845.455	845.455	845.455																
69	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất cao cấp trắng màu NIKKOTEX X6	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	21 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.313.636	2.313.636	2.313.636	2.313.636	2.313.636																
70	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất cao cấp trắng màu NIKKOTEX X6	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	609.091	609.091	609.091	609.091	609.091																
71	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng trắng màu NIKKOTEX X7	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	19 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	5.290.909	5.290.909	5.290.909	5.290.909	5.290.909																
72	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng trắng màu NIKKOTEX X7	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.509.091	1.509.091	1.509.091	1.509.091	1.509.091																
73	Nhóm sơn	Sơn ngoại thất siêu bóng trắng màu NIKKOTEX X7	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	336.364	336.364	336.364	336.364	336.364																
74	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm, mốc nội thất cao cấp NIKKOTEX X4	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	23 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	1.936.364	1.936.364	1.936.364	1.936.364	1.936.364																
75	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm, mốc nội thất cao cấp NIKKOTEX X4	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	563.636	563.636	563.636	563.636	563.636																
76	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài nhà NIKKOTEX X5	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	22 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.645.455	2.645.455	2.645.455	2.645.455	2.645.455																
77	Nhóm sơn	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài nhà NIKKOTEX X5	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5,5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	759.091	759.091	759.091	759.091	759.091																

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
78	Nhóm sơn	Sơn chống thấm màu bóng cao cấp NIKKOTEX X9	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	19 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.363.636	3.363.636	3.363.636	3.363.636	3.363.636																
79	Nhóm sơn	Sơn chống thấm màu bóng cao cấp NIKKOTEX X9	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	895.455	895.455	895.455	895.455	895.455																
80	Nhóm sơn	Sơn chống thấm màu bóng cao cấp NIKKOTEX X9	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091																
81	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng NIKKOTEX X11	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	2.863.636	2.863.636	2.863.636	2.863.636	2.863.636																
82	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng NIKKOTEX X11	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000																
83	Nhóm sơn	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng NIKKOTEX X11	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	190.909	190.909	190.909	190.909	190.909																
84	Nhóm sơn	Sơn bóng không màu trong và ngoài nhà NIKKOTEX X8	Thùng	QCVN 16:2023/BXD	19 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	3.077.273	3.077.273	3.077.273	3.077.273	3.077.273																
85	Nhóm sơn	Sơn bóng không màu trong và ngoài nhà NIKKOTEX X8	Lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	895.455	895.455	895.455	895.455	895.455																
86	Nhóm sơn	Sơn nhũ vàng nhũ đồng bóng NIKKOTEX	Lon	QCVN 16:2023/BXD	1 kg	Công ty Cổ phần sơn NIKKO Việt Nam	Việt Nam	Theo nhu cầu của khách hàng	Công ty TNHH Xuân Chiến Tuyên Quang, giao hàng tại địa điểm của bên mua	Tổ 5, Phường An Tường, Tuyên Quang	436.364	436.364	436.364	436.364	436.364																
VII	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP CHỮ H**																													
1	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H6,5A	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 230x310	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		1.560.000																		

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H6,5B	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 230x310	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		1.718.000																			
3	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H6,5C	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 230x310	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		1.764.000																			
4	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H7,5A	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 240x340	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		1.765.000																			
5	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H7,5B	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 240x340	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		1.978.000																			
6	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H7,5C	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 240x340	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.092.000																			
7	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H8,5A	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 250x370	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.090.000																			
8	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H8,5B	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 250x370	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.307.000																			
9	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép chữ H8,5C	cột	TCCS 0l:2016/CTTS	Đầu ngọn 140x140; đầu gốc 250x370	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.660.000																			
VIII	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM KHÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC NHÓM I - CỘT ĐÚC LIỀN (MỘT ĐOẠN) ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI ĐẦU CỘT NGỌN 160**																														
10	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-7,5-160-3.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 160mm; đường kính gốc 260mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.142.000																			
11	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-7,5-160-5.4	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 160mm; đường kính gốc 260mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.323.000																			
12	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-160-2.5	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 160mm; đường kính gốc 270mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.220.000																			
13	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-160-3.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 160mm; đường kính gốc 270mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.425.000																			
14	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-160-4.3	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 160mm; đường kính gốc 270mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.731.000																			
IX	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM KHÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC NHÓM I - CỘT ĐÚC LIỀN (MỘT ĐOẠN) ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI ĐẦU CỘT NGỌN 190**																														

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
15	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-7,5-190-4.3	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 303mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.720.000																			
16	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-7,5-190-6.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 303mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.890.000																			
17	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-190-2.5	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 311mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.420.000																			
18	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-190-3.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 311mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		2.900.000																			
19	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-190-4.3	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 311mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		3.156.000																			
20	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I-8,5-190-5.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 311mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		3.483.000																			
21	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 10-190-3.5	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 323mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		3.398.000																			
22	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 10-190-4.3	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 323mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		3.745.000																			
23	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 10-190-5.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 323mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		4.274.000																			
24	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 12-190-5.4	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 350mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		5.232.000																			
25	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 12-190-7.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 350mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		6.165.000																			
26	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 12-190-9.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 350mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		7.265.000																			
27	Nhóm cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột đúc liền: TS.NPC.I- 12-190-10.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 350mm	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		9.315.000																			
X	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM KHÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC NHÓM I - CỘT CÓ NỐI BÍCH (HAI ĐOẠN) ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI ĐẦU CỘT NGỌN 190**																														

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
28	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 14-190-6.5	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 377mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		10.095.000																			
29	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 14-190-8.5	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 377mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		11.175.000																			
30	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 14-190-9.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 377mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		11.730.000																			
31	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 14-190-11.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 377mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		13.700.000																			
32	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 14-190-13.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 377mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		14.770.000																			
33	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 16-190-9.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 403mm. Gốc 6m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		14.690.000																			
34	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 16-190-11.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 403mm. Gốc 6m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		16.575.000																			
35	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 16-190-13.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 403mm. Gốc 6m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		17.625.000																			
36	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 18-190-9.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 430mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		17.715.000																			
37	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 18-190-11.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 430mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		19.060.000																			
38	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 18-190-12.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 430mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		20.460.000																			
39	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 18-190-13.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 430mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		21.255.000																			
40	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 20-190-9.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 456mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		20.970.000																			

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
41	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 20-190-11.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 456mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		22.565.000																			
42	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 20-190-13.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 456mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		24.210.000																			
43	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 20-190-14.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 456mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		26.775.000																			
44	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 22-190-9.2	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 482mm. Gốc 12m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		27.895.000																			
45	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 22-190-11.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 482mm. Gốc 12m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		32.135.000																			
46	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 22-190-13.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 482mm. Gốc 12m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		33.970.000																			
47	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm không ứng lực trước nhóm I - Cột có nối bích: TS.NPC.I- 22-190-14.0	cột	TCVN 5847:2016	Đường kính ngọn 190mm; đường kính gốc 482mm. Gốc 12m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		35.950.000																			
XI	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM, LOẠI KHÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC: ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI ĐẦU CỘT 230MM CHIỀU DÀI TỪ 16M ĐẾN 24M, HỆ SỐ TẢI TRỌNG ĐỘ BỀN UỐN GÃY K=1,2**																														
48	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 16-230-18.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 443mm. Gốc 4m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		26.005.000																			
49	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 16-230-24.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 443mm. Gốc 4m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		27.600.000																			
50	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 18-230-18.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 470mm. Gốc 6m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		27.940.000																			
51	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 18-230-24.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 470mm. Gốc 6m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		30.795.000																			
52	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 20-230-18.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 496mm. Gốc 8m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		32.575.000																			
53	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 20-230-24.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 496mm. Gốc 8m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		35.870.000																			

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
54	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 22-230-18.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 523mm. Gốc 10m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		37.970.000																			
55	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 22-230-24.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 523mm. Gốc 10m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		44.005.000																			
56	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 24-230-24.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 230mm; đường kính gốc 550mm. Gốc 12m + ngọn 12m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		65.570.000																			
XII	**CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM, LOẠI KHÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC: ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI ĐẦU CỘT 323MM CHIỀU DÀI TỪ 14M ĐẾN 20M, HỆ SỐ TẢI TRỌNG ĐỘ BỀN UỐN GÃY K=1,2**																													
57	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 14-323-30.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 509mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		33.085.000																			
58	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 14-323-35.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 509mm. Gốc 4m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		36.440.000																			
59	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 16-323-30.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 536mm. Gốc 6m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		37.335.000																			
60	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 16-323-35.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 536mm. Gốc 6m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		41.210.000																			
61	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 18-323-30.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 562mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		42.355.000																			
62	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 18-323-35.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 562mm. Gốc 8m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		47.250.000																			
63	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 20-323-30.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 589mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		48.210.000																			
64	Nhóm Cột điện	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm, loại không ứng lực trước: TS.NPC.I- 20-323-35.0	cột	TCCS 02:2021/TS	Đường kính ngọn 323mm; đường kính gốc 589mm. Gốc 10m + ngọn 10m	Công ty TNHH bê tông Tân Sang	Việt Nam		Giao tại kho bên bán trên phương tiện bên mua	Thôn Hưng Thịnh, xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang		54.080.000																			
XIII	**NHÔM CỬA, VÁCH KÍNH NHÔM HỆ**																													
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	1.762.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất/quay Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	#REF!	#REF!
3	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất/quay Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	2.446.000	#REF!	#REF!
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	2.144.000	#REF!	#REF!
5	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	2.005.000	#REF!	#REF!
6	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh/4 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	#REF!	#REF!
7	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở hất/quay 1 cánh/2 cánh Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	2.349.000	#REF!	#REF!
8	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	2.403.000	#REF!	#REF!
9	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
10	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay 1 cánh/ 2 cánh Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	2.240.000	#REF!	#REF!
11	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	2.153.000	#REF!	#REF!
12	Cửa nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	1.998.000	#REF!	#REF!
13	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh/4 cánh mở lùa Hệ 55 vát cạnh	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,4 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	1.978.000	#REF!	#REF!
14	Cửa nhôm kính	Vách cố định Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	1.841.000	#REF!	#REF!
15	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	3.289.000	#REF!	#REF!
16	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	3.254.000	#REF!	#REF!
17	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay 1 cánh/ 2 cánh Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
18	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	3.089.000	#REF!	#REF!
19	Cửa nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	3.195.000	#REF!	#REF!
20	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh/4 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	3.087.000	#REF!	#REF!
21	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất/quay Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	3.122.000	#REF!	#REF!
22	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất/quay Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	#REF!	#REF!
23	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh/ 2 cánh mở hất/quay Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	3.102.000	#REF!	#REF!
24	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	2.705.000	#REF!	#REF!
25	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	2.762.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
26	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh/4 cánh mở lùa Hệ 55 mặt cắt xingfa	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	2.625.000	#REF!	#REF!
27	Cửa nhôm kính	Vách cố định Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	1.882.000	#REF!	#REF!
28	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	2.754.000	#REF!	#REF!
29	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	2.816.000	#REF!	#REF!
30	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh/2 cánh mở quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,2 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	#REF!	#REF!
31	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất/quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	2.656.000	#REF!	#REF!
32	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất/quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	2.792.000	#REF!	#REF!
33	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh/ 2 cánh mở hất/quay Hệ 56 vát cạnh sập liền	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 1,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	2.640.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
34	Cửa nhôm kính	Vách cố định hệ mặt dựng 65 nối đố	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	3.565.000	#REF!	#REF!
35	Cửa nhôm kính	Vách cố định hệ mặt dựng 65 nối đố liền cửa sổ 1 cánh mở hất	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	#REF!	#REF!
36	Cửa nhôm kính	Vách cố định hệ mặt dựng 65 đầu đố liền cửa sổ 1 cánh mở hất	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	3.431.000	#REF!	#REF!
37	Cửa nhôm kính	Vách cố định nhôm hệ mặt dựng 52 nối đố	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	3.342.000	#REF!	#REF!
38	Cửa nhôm kính	Vách cố định nhôm hệ mặt dựng 52 nối đố liền cửa sổ 1 cánh mở hất	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	3.622.000	#REF!	#REF!
39	Cửa nhôm kính	Vách cố định nhôm hệ mặt dựng 52 đầu đố liền cửa sổ 1 cánh mở hất	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2,0 mm (±8%); Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 6,38 mm - Gioăng chèn hãng Đông Á. Phụ kiện SING	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	3.322.000	#REF!	#REF!
40	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực K200*SC180	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	5.343.000	#REF!	#REF!
41	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực K200*SC140	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	5.128.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
42	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực K200*SC120	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	4.971.000	#REF!	#REF!
43	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực SK120*SC180	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	4.474.000	#REF!	#REF!
44	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực SK120*SC140	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	4.311.000	#REF!	#REF!
45	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm hệ thủy lực SK120*SC120	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%). Phụ kiện SING - Kính dán an toàn Hồng Phúc dày 10,38 mm - Gioăng, ni	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	4.154.000	#REF!	#REF!
46	Cửa nhôm kính	Khung vách hệ chắn song độc lập	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nhôm thương hiệu Singhal độ dày thanh nhôm 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	2.094.000	#REF!	#REF!
47	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn chống bão G91	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nan cửa cuốn G91 dày 1,6 - 2,0mm (± 8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	3.316.000	#REF!	#REF!
48	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn SE03	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nan cửa cuốn SE03 dày 1.5mm -1.8 mm (± 8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	3.064.000	#REF!	#REF!
49	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G90	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nan cửa cuốn G90 dày 1.4 mm – 1,8mm (± 8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	2.867.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
50	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G60	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nan cửa cuốn G60 dày 1.2 mm - 1.6mm (± 8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	2.058.000	#REF!	#REF!
51	Cửa cuốn	Nan cửa cuốn G61	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 197-1:2014 TCVN 12513-7:2018	Nan cửa cuốn G61 dày 1.0 mm - 1.1 mm (± 8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Theo thỏa thuận hợp đồng	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình	Cụm CN Hà Mãn - Trí Quả, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	1.830.000	#REF!	#REF!
XIV	**ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	#REF!	#REF!
2	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	#REF!	#REF!
3	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	#REF!	#REF!
4	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	#REF!	#REF!
5	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	#REF!	#REF!
6	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	#REF!	#REF!
7	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	#REF!	#REF!
8	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	#REF!	#REF!
9	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	#REF!	#REF!
10	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	Cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	#REF!	#REF!
11	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	#REF!	#REF!
12	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	#REF!	#REF!
13	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	#REF!	#REF!
14	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W DIM DALI	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	#REF!	#REF!
15	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
16	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	#REF!	#REF!
17	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	#REF!	#REF!
18	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	#REF!	#REF!
19	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	#REF!	#REF!
20	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố C-WIN - 150W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	#REF!	#REF!
21	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố D-WIN - 150W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	#REF!	#REF!
22	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	#REF!	#REF!
23	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	#REF!	#REF!
24	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	#REF!	#REF!
25	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	#REF!	#REF!
26	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	#REF!	#REF!
27	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	#REF!	#REF!
28	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	#REF!	#REF!
29	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	#REF!	#REF!
30	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	#REF!	#REF!
31	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	#REF!	#REF!
32	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	#REF!	#REF!
33	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	#REF!	#REF!
34	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	#REF!	#REF!
35	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	#REF!	#REF!
36	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
37	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	#REF!	#REF!
38	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	#REF!	#REF!
39	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	#REF!	#REF!
40	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	#REF!	#REF!
41	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	#REF!	#REF!
42	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	#REF!	#REF!
43	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	#REF!	#REF!
44	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	#REF!	#REF!
45	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	#REF!	#REF!
46	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	#REF!	#REF!
47	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	#REF!	#REF!
48	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	#REF!	#REF!
49	Bộ đèn LED	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	#REF!	#REF!
50	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	#REF!	#REF!
51	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	#REF!	#REF!
52	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	#REF!	#REF!
53	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	#REF!	#REF!
54	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	#REF!	#REF!
55	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	#REF!	#REF!
56	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	#REF!	#REF!
57	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																		
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
58	Bộ đèn LED NLMT	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	#REF!	#REF!
59	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB05-200w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	#REF!	#REF!
60	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB02-300w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	#REF!	#REF!
61	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	#REF!	#REF!
62	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB02-500w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	#REF!	#REF!
63	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB03-600w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	#REF!	#REF!
64	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB04-800w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	#REF!	#REF!
65	Đèn pha LED	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	TCVN 7722-1:2017		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	#REF!	#REF!
XV	**KHUNG MÓNG CỘT CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Khung móng cột	Thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	#REF!	#REF!
2	Khung móng cột	Thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	#REF!	#REF!
3	Khung móng cột	Thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	#REF!	#REF!
4	Khung móng cột	Thép CT3, 4 Bulông M24, KT:(300x300x675)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	#REF!	#REF!
5	Khung móng cột	Thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	#REF!	#REF!
6	Khung móng cột	Thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	#REF!	#REF!
7	Khung móng cột	Thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	#REF!	#REF!
8	Khung móng cột	Thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	#REF!	#REF!
XVI	**CỘT ĐÈN SÂN, VƯỜN TRANG TRÍ CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Cột trang trí SV35	Thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Cột trang trí SV35	Thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	#REF!	#REF!
3	Cột trang trí SV35	Thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	#REF!	#REF!
4	Đế DP03	Đế gang cho cột thép	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	#REF!	#REF!
5	Cột DP01 (lắp cho cột sân vườn	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	#REF!	#REF!
6	Cột cù tòi DP04	Đế gang cho cột thép	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	#REF!	#REF!
7	Cột sư tử DP02	Đế gang cho cột thép	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	#REF!	#REF!
8	Đế cột PINE + Thân D108	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	#REF!	#REF!
9	Đế cột DC06 + Thân D76	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	#REF!	#REF!
10	Đế cột DC05 + Thân D108	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	#REF!	#REF!
11	Cột DC01 (lắp cho cột thép)	Đế gang cho cột thép	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	#REF!	#REF!
12	Đế cột BANIAN + Thân D108	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	#REF!	#REF!
13	Đế cột NOUVO + Thân D108	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	#REF!	#REF!
14	Đế cột DC02 + Thân D76	Đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	#REF!	#REF!
XVII	**CHÙM ĐÈN CỘT SÂN VƯỜN CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Chùm đèn	Chùm CH02 (4+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	#REF!	#REF!
2	Chùm đèn	Chùm CH02 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	1.026.000	#REF!	#REF!
3	Chùm đèn	Chùm CH04 (4+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	1.758.000	#REF!	#REF!
4	Chùm đèn	Chùm CH04 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	1.524.000	#REF!	#REF!
5	Chùm đèn	Chùm CH06 (4+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	972.000	#REF!	#REF!
6	Chùm đèn	Chùm CH06 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	834.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
7	Chùm đèn	Chùm CH07 (4+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	#REF!	#REF!
8	Chùm đèn	Chùm CH07 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	1.386.000	#REF!	#REF!
9	Chùm đèn	Chùm CH08 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	1.358.000	#REF!	#REF!
10	Chùm đèn	Chùm CH11 (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	#REF!	#REF!
11	Chùm đèn	Chùm CH11 (4+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	#REF!	#REF!
12	Chùm đèn	Chùm CH12	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	#REF!	#REF!
13	Đèn Jupiter	Đèn Jupiter	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	#REF!	#REF!
14	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	#REF!	#REF!
XVIII	**CẦN ĐÈN LẮP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78 CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Cần đơn	Cần đơn MB01-D	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	#REF!	#REF!
2	Cần kép	Cần kép MB01-K	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	#REF!	#REF!
3	Cần đơn	Cần đơn MB02-D	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	#REF!	#REF!
4	Cần kép	Cần kép MB02-K	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	#REF!	#REF!
5	Cần đơn	Cần đơn MB06-D	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	#REF!	#REF!
6	Cần kép	Cần kép MB06-K	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	#REF!	#REF!
7	Cần đơn	Cần đơn MB03-D	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	#REF!	#REF!
8	Cần kép	Cần kép MB03-K	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	#REF!	#REF!
9	Cần đơn	Cần đơn MB04-D	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	#REF!	#REF!
10	Cần kép	Cần kép MB04-K	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	#REF!	#REF!
XIX	**CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIỀN CẦN ĐƠN CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 4m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 5m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	#REF!	#REF!
3	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 6m bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	#REF!	#REF!
4	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 7m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	#REF!	#REF!
5	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 7m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	#REF!	#REF!
6	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 8m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	#REF!	#REF!
7	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 8m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	#REF!	#REF!
8	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 9m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	#REF!	#REF!
9	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 9m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	#REF!	#REF!
10	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 10m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	#REF!	#REF!
11	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 10m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	#REF!	#REF!
12	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 11m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	#REF!	#REF!
13	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 11m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	#REF!	#REF!
14	Cột bát giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 12m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	#REF!	#REF!
XX	**THÂN CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - D78 CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Cột bát giác, tròn côn - D78	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 3m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																		
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
2	Cột bát giác, tròn côn - D78	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	#REF!	#REF!
3	Cột bát giác, tròn côn - D78	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	#REF!	#REF!
4	Cột bát giác, tròn côn - D79	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	#REF!	#REF!
5	Cột bát giác, tròn côn - D80	Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	#REF!	#REF!
6	Cột bát giác, tròn côn - D81	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	#REF!	#REF!
7	Cột bát giác, tròn côn - D82	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	#REF!	#REF!
8	Cột bát giác, tròn côn - D83	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	#REF!	#REF!
9	Cột bát giác, tròn côn - D84	Thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	#REF!	#REF!
10	Cột bát giác, tròn côn - D85	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	#REF!	#REF!
11	Cột bát giác, tròn côn - D86	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	#REF!	#REF!
12	Cột bát giác, tròn côn - D87	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 11m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	#REF!	#REF!
13	Cột bát giác, tròn côn - D88	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 12m, bích 400x400	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	#REF!	#REF!
XXI	**CỘT GIÀN ĐÈN NÂNG HẠ CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC (Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, nâng hạ tự động giàn đèn, kìm thu sét thụ động D16)**																													
1	Cột đèn	Thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	#REF!	#REF!
2	Cột đèn	Thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
3	Cột đèn	Thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	#REF!	#REF!
4	Cột đèn	Thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	#REF!	#REF!
5	Cột đèn	Thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	#REF!	#REF!
XXII	**CỘT ĐÈN PHA SẢN CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 13m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	#REF!	#REF!
2	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	#REF!	#REF!
3	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	#REF!	#REF!
4	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 16m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	#REF!	#REF!
5	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 17m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	#REF!	#REF!
6	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 18m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	#REF!	#REF!
7	Cột đa giác, tròn côn	Thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn cao 19m, bắt 2-8 đèn pha	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	#REF!	#REF!
XXIII	**NẮP HỐ GA, SONG CHẮN RÁC CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																													
1	Song chắn rác	Composite, Gang, KT (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	#REF!	#REF!
2	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	#REF!	#REF!
3	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	#REF!	#REF!
4	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
5	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	#REF!	#REF!
6	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	#REF!	#REF!
7	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	#REF!	#REF!
8	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	#REF!	#REF!
9	Song chắn rác	Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	#REF!	#REF!
10	Nắp hố ga	Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	#REF!	#REF!
11	Nắp hố ga	Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	#REF!	#REF!
12	Nắp hố ga	Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	#REF!	#REF!
13	Nắp hố ga	Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	#REF!	#REF!
14	Nắp hố ga	Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	#REF!	#REF!
15	Nắp hố ga	Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	#REF!	#REF!
16	Nắp thăm thu kết hợp	CPS, KT: (1050x745)mm, Tải trọng 12,5 tấn	cái	BS EN 124-5:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	#REF!	#REF!
XXIV	**CỘT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG CỦA CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**																														
1	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm, H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	#REF!	#REF!
2	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm , H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	#REF!	#REF!
3	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm , H= 3,3m dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
4	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm , H= 6,2m dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	#REF!	#REF!
5	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm , H= 5,6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	#REF!	#REF!
6	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm, H= 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	#REF!	#REF!
7	Thanh giá treo đèn	D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	#REF!	#REF!
8	Cột thép đa giác	Cột đa giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm, H= 2,5m, dày 3mm	cái	ASTM A123 TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	#REF!	#REF!
9	Đèn LED	Cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	#REF!	#REF!
10	Đèn LED	3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	#REF!	#REF!
11	Đèn LED THGT 3xD100	3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	#REF!	#REF!
12	Đèn LED THGT 3xD200	3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	#REF!	#REF!
13	Đèn LED THGT 3xD300	3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	#REF!	#REF!
14	Đèn LED	Mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	#REF!	#REF!
15	Đèn LED	Chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	#REF!	#REF!
16	Đèn LED	Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	#REF!	#REF!
17	Đèn LED	Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	#REF!	#REF!

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
18	Đèn LED	Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	#REF!	#REF!
19	Đèn LED	Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	#REF!	#REF!
20	Đèn LED	Đi bộ 2xD200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	#REF!	#REF!
21	Đèn LED	Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	#REF!	#REF!
22	Trụ tủ điều khiển tín hiệu giao thông	03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	#REF!	#REF!
23	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông	02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	#REF!	#REF!
24	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ	30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	#REF!	#REF!
25	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất	60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	#REF!	#REF!
26	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất	100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	#REF!	#REF!
27	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ	100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	#REF!	#REF!
28	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ	100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	#REF!	#REF!
29	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ	250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Thanh toán ngay	Giao tại công trình bên mua	P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	#REF!	#REF!
XXV	**DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADIVI**																														
1	Nhóm vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V VC/LF-0,50 (F 0,80)- 300/500 V	m	TCVN 6610-3:2000 (IEC 60227-3:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240	3.240
2	Nhóm vật tư ngành điện	Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V VC/LF-1,00 (F1,13)- 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370	5.370

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
3	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220	6.220
4	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770	8.770
5	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260	11.260
6	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050	16.050
7	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng) VCmd/LF-2x2,5-(2x50/0.25)-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010	26.010
8	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V- (ruột đồng) Vcmo/LF-2x1-(2x32/0.2)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550	12.550
9	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V- (ruột đồng) Vcmo/LF-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680	17.680
10	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V- (ruột đồng) Vcmo/LF-2x6-(2x7x12/0.30)-300/500 V	m	TCVN 6610-5:2000 (IEC 60227-5)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210	64.210
11	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV/LF-1.5 (7/0.52) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350	8.350
12	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV/LF-2.5 (7/0.67) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610	13.610
13	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV/LF-10 (7/1.35) - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070	50.070
14	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV-50 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150	227.150
15	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV-240 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300	1.141.300
16	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV- (ruột đồng) CV-300 - 0.6/1kV	m	AS/NZS 5000.1:2005		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540	1.431.540
17	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-1 (1x7/0.425) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090	9.090
18	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-1.5 (1x7/0,52) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670	11.670
19	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-6.0 (1x7/1.04) – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580	34.580
20	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-25 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260	124.260
21	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-50– 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190	230.190

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
22	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-95 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050	454.050
23	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-150 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390	702.390
24	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x1.5 (2x7/0.52)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
25	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x4 (2x7/0.85)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520	56.520
26	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-2x10 (2x7/1.35)– 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060	126.060
27	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-3x1.5 (3x7/0.52) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430	34.430
28	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-3x2.5 (3x7/0.67) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030	52.030
29	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-3x6 (3x7/1.04) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380	106.380
30	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-4x1.5 (4x7/0.52) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820	43.820
31	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) CVV-4x2.5 (4x7/0.67) – 300/500 V	m	TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1997)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240	66.240
32	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-70 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810	328.810
33	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-120 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350	589.350
34	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-240 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430	1.145.430
35	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-300 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110	1.435.110
36	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-2x16 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620	190.620
37	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-2x25 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390	277.390
38	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-2x150 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010	1.465.010
39	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-2x185 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630	1.820.630
40	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x16 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500	268.500

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
41	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x50 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160	719.160
42	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x95 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500	1.393.500
43	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x120 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100	1.799.100
44	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-4x16 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710	355.710
45	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-4x25 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000
46	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-4x50 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630	976.630
47	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-4x120 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800
48	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-4x185 – 0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190	3.575.190
49	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x16+1x10 -0,6/1kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390	317.390
50	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x25+1x16 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560	472.560
51	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x50+1x25 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430	843.430
52	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x95+1x50 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580	1.624.580
53	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC) CXV-3x120+1x70 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070	2.146.070
54	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DATA-25-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430	167.430
55	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DATA-50-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170	281.170
56	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DATA-95-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040	504.040
57	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DATA-240-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560	1.212.560
58	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x4 (2x7/0.85) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430	83.430
59	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x10 (2x7/1.35) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020	145.020

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
60	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x50 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000
61	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-2x150-0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470	1.555.470
62	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x6 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570	138.570
63	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x16 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340	286.340
64	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x50 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580	749.580
65	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x185 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440	2.792.440
66	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x4+1x2.5 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910	121.910
67	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA-3x16+1x10 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210	344.210
68	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA -3x50+1x25 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530	874.530
69	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/DSTA -3x240+1x120 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330	4.346.330
70	Nhóm vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn C-10	m	TCVN - 5064		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230	47.230
71	Nhóm vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn C-50	m	TCVN - 5064		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480	235.480
72	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện kế – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVV-2x4 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580	74.580
73	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện kế – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVV-2x10 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890	149.890
74	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện kế – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DK-CVV-2x35 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390	403.390
75	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560	27.560
76	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-10x2.5 (10x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030	149.030
77	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-19x4 (19x7/0.85) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700	426.700

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Sơn Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
78	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV-37x2.5 (37x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290	524.290
79	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160	52.160
80	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (2->37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-8x2.5 (8x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240	146.240
81	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) DVV/Sc-30x2.5 (30x7/0.67) -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740	462.740
82	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC) CX1V/WBC-95-12/20(24) kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640	521.640
83	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (ruột đồng, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC) CX1V/WBC-240-12/20(24) kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740	1.223.740
84	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE,bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại băng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x50-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120	1.303.120
85	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE,bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại băng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x240-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410	4.501.410
86	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE,bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại băng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x300-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600	5.344.600
87	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp trung thế có màn chắn kim loại-12/20(24) kV hoặc 12.7/22(24) kV - (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE,bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại băng đồng 0.13 mm cho từng lõi, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC) CXV/SE/DSTA-3x400-12/20(24)kV	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-2		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990	6.652.990
88	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-16-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640
89	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-35-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520	19.520
90	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-120-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890	60.890
91	Nhóm vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV)-0,6/1kV AV-500-0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010	242.010

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
92	Nhóm vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-50/8 (6/3.2+1/3.2)	m	TCVN 5064		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800
93	Nhóm vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-95/16 (6/4.5+1/4.5)	m	TCVN 5064		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440	47.440
94	Nhóm vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép ACSR-240/32 (24/3.6+7/2.4)	m	TCVN 5064		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110	118.110
95	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế -0,6/1 kV- (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE) LV-ABC-2x50-0,6/1 kV (ruột nhôm)	m	TCVN 6447/AS 3560		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730	54.730
96	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện FR-PVC) CV/FR-1x25 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750	131.750
97	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện FR-PVC) CV/FR-1x240 -0,6/1 kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170	1.167.170
98	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-95-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960	479.960
99	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-240-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560	1.221.560
100	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-300-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500
101	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (2 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-2x1.5-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310	44.310
102	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (2 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-2x16-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180	205.180
103	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (2 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-2x50-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510	524.510
104	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (3 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-3x25-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270	428.270
105	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (3 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-3x70-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080	1.046.080
106	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (4 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-4x10-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850	245.850
107	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (4 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-4x95-0.,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960	1.895.960
108	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (3+1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-3x25+1x16-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510	511.510
109	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (3+1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-3x70+1x35-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040	1.229.040
110	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy (3+1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ bọc FR-PVC) CXV/FR-3x120+1x95-0,6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620	2.338.620

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Na Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
111	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-240 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820	1.237.820
112	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (1 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-300 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660	1.541.660
113	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (2 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-2x10 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950	147.950
114	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (2 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-2x25 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900	310.900
115	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (3 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-3x300 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640	4.594.640
116	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (4 lõi, ruột đồng, băng mica, cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-4x240 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990	4.892.990
117	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy ít khói, không halogen (3+1 lõi, ruột đồng, băng mica,cách điện XLPE, vỏ bọc LSHF) CXE/FR-LSHF-3x10+1x6 -0.6/1kV	m	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC BS 6387 CAT C		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720	231.720
118	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-4-1,5kV DC	m	BS EN 50618		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580	27.580
119	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-6-1,5kV DC	m	BS EN 50618		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
120	Nhóm vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K-300-1,5kV DC	m	BS EN 50618		Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Việt Nam	Theo thỏa thuận	Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790	1.628.790
121	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 22kV 70kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000	385.000
122	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 22kV 100kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500	412.500
123	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 22kV 120kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500	478.500
124	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 35kV 70kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000	410.000
125	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 35kV 100kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500	434.500
126	Nhóm vật tư ngành điện	Chuỗi sứ néo đơn polymer 35kV 120kN (chưa gồm phụ kiện)	Chuỗi	IEC 61109; IEC 60-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500	511.500
127	Nhóm vật tư ngành điện	Gu dông treo chuỗi 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
128	Nhóm vật tư ngành điện	Móc treo chữ U 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
129	Nhóm vật tư ngành điện	Vòng treo đầu tròn loại U 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
130	Nhóm vật tư ngành điện	Bàn treo thẳng góc đơn 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
131	Nhóm vật tư ngành điện	Mắc nối kép 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800
132	Nhóm vật tư ngành điện	Mắc nối đơn 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
133	Nhóm vật tư ngành điện	Mắc nối song song 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000
134	Nhóm vật tư ngành điện	Mắc nối trung gian điều chỉnh 7	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
135	Nhóm vật tư ngành điện	Khóa đỡ cho dây AC (Thép mạ kẽm nhúng nóng)	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250	184.250
136	Nhóm vật tư ngành điện	Khóa néo cho dây AC (Loại 3 bulong Thép mạ kẽm nhúng nóng)	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000
137	Nhóm vật tư ngành điện	Khánh cho chuỗi kép 70kN	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500
138	Nhóm vật tư ngành điện	Khánh cho chuỗi kép 100kN	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
139	Nhóm vật tư ngành điện	Khánh cho chuỗi kép 120kN	Cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000
140	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì tự rơi 35kV (bộ 1 pha) - Sứ	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000	2.814.000
141	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì tự rơi 22kV (bộ 1 pha) - Sứ	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000
142	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì tự rơi 35kV (bộ 1 pha) - Polymer	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
143	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì tự rơi 22kV (bộ 1 pha) - Polymer	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
144	Nhóm vật tư ngành điện	Dây chì các loại 1A-10A	Sợi	TCVN 7999-1:2009		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
145	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì cắt tải (LBFCO)- 22kV (bộ 1 pha)	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000
146	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu chì cắt tải (LBFCO)- 35kV (bộ 1 pha)	Bộ 1 pha	IEC 60282-2:2008 & IEEE C37.42-2016		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000	3.480.000
147	Nhóm vật tư ngành điện	Chống sét van cho đường dây (chưa gồm đếm sét) 22kV	Bộ 1 pha	IEC 60094-4:2014		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000	2.236.000
148	Nhóm vật tư ngành điện	Chống sét van cho đường dây (chưa gồm đếm sét) 35kV	Bộ 1 pha	IEC 60094-4:2014		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000	3.650.000

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																				
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
149	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000	21.285.000
150	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 630A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000	17.402.000
151	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 1250A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000	20.702.000
152	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 22kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500	22.412.500
153	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém ngang) - 1250A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000	28.380.000
154	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao liên động 3 pha 35kV ngoài trời đường dây (chém đứng) - 630A	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500	25.162.500
155	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao cách ly 1 pha 22kV căng trên dây	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000	4.780.000
156	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao cách ly 1 pha 35kV căng trên dây	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000	5.335.000
157	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao phụ tải 3 pha 35kV 630A ngoài trời dập hồ quang bằng dầu	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000	32.450.000
158	Nhóm vật tư ngành điện	Cầu dao phụ tải 3 pha 22kV 630A ngoài trời dập hồ quang bằng dầu	Bộ	IEC 62271-102:2018		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000	39.545.000
159	Nhóm vật tư ngành điện	Ghíp cáp hạ thế (25-120) - 2 bulong	cái	TCVN 5408AS/NZS		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500
160	Nhóm vật tư ngành điện	Kẹp hãm cáp KH4x50 / 70 / 95/120	cái	TCVN 4392; TCVN 5408		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500	148.500
161	Nhóm vật tư ngành điện	Móc treo tải trọng MT-D20	cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000
162	Nhóm vật tư ngành điện	Móc treo tải trọng MT-D16	cái	ASTM E376-19		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
163	Nhóm vật tư ngành điện	Sứ đứng polymer 22kV cả ty	quả	IEC 61109; IEC 60060-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500	588.500
164	Nhóm vật tư ngành điện	Sứ đứng polymer 22kV không ty	quả	IEC 61109; IEC 60060-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500	493.500
165	Nhóm vật tư ngành điện	Ty sứ đứng 22kV	quả	TCVN 4392:1986		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
166	Nhóm vật tư ngành điện	Sứ đứng polymer 35kV cả ty	quả	IEC 61109; IEC 60060-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500	676.500
167	Nhóm vật tư ngành điện	Sứ đứng polymer 35kV không ty	quả	IEC 61109; IEC 60060-1		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500	581.500

stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*																			
											Khu vực các Phường: Minh Xuân, Bình Thuận…	Khu vực các xã: Yên Sơn…	Khu vực các xã: Sơn Dương, Tân Thanh…	Khu vực các xã: Hàm Yên, Thái Sơn…	Khu vực các xã: Chiêm Hóa, Hòa An...	Khu vực các xã: Nà Hang, Thượng Nông…	Khu vực xã Lâm Bình	Khu vực P. Hà Giang 1, 2	Khu vực Xã Quản Bạ	Khu vực Xã Yên Minh	Khu vực Xã Đồng Văn	Khu vực Xã Mèo Vạc	Khu vực Xã Bắc Mê	Khu vực Xã Minh Tân	Khu vực các xã: Vị Xuyên, Linh Hồ…	Xã Thanh Thuỷ	Khu vực các xã: Bắc Quang, Quang Bình…	Khu vực Xã Hùng An	Khu vực Xã Vĩnh Tuy	Khu vực Xã Hoàng Su Phì	Khu vực Xã Xín Mần
168	Nhóm vật tư ngành điện	Ty sứ đứng 35kV	quả	TCVN 4392:1986		Công ty cổ phần Vina Electric	Việt Nam		Đến chân công trình trên địa bàn tỉnh		95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
XXVII	**VỮA XI MĂNG VÀ PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG**																													
	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co																													
1	Vật liệu khác	Vữa rót gốc xi măng không co ngót, cường độ cao MC-Grout	kg	TCVN 9204:2012	Bao 25kg	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	12.700					13.200														
	Phụ gia siêu dẻo - chậm đông kết																													
2	Vật liệu khác	Phụ gia siêu dẻo, giảm nước, kép dài thời gian ninh kết cho bê tông MC-TechniFlow 1118-Loại G	Lít	ASTM C494 TCVN 8826 loại G	Tank 1000 lít	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	17.700					18.200														
3	Vật liệu khác	Phụ gia siêu dẻo cao cấp, duy trì độ sụt dài lâu MC-PowerFlow 2237 - Loại G	Lít	ASTM C494 TCVN 8826 loại G	Tank 1000 lít	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	19.300					19.800														
4	Vật liệu khác	Phụ gia siêu dẻo cao cấp, duy trì độ sụt dài lâu MC-PowerFlow 2271 - Loại G	Lít	ASTM C494 TCVN 8826 loại G	Tank 1000 lít	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	21.300					21.800														
5	Vật liệu khác	Phụ gia siêu dẻo cao cấp, duy trì độ sụt tầm trung MC-PowerFlow 2257R - Loại G	Lít	ASTM C494 TCVN 8826 loại G	Tank 1000 lít	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	23.500					23.600														
	Phụ gia đóng rắn nhanh																													
6	Vật liệu khác	Phụ gia đông cứng nhanh cho bê tông phun không chứa kiềm (cho bê tông phun) MC - Shoterete SH 100 - Loại C	Lít	ASTM C-1141	Tank 1000 lít	Công ty CP MC-BIFI Bauchemie	Việt Nam	Theo nhu cầu bên mua	Giao trên phương tiện bên mua	Công ty CP Tân Hoàng Mai; địa chỉ: Số 53 Triều Khúc, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội	28.300					28.800														